

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2016
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu, phường Trung Văn,
Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu, phường Trung Văn,
Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Tùng Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2016)
Ông Trịnh Ngọc Khánh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2016)
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên
Ông Trần Huy Tường	Thành viên
Ông Đỗ Nguyên An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2016)
Ông Đỗ Công Khanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Huy Tường	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2016)
Ông Đỗ Nguyên An	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu, phường Trung Văn,
Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Trần Huy Tường

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 08 năm 2016

Số: 40.08/2016/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, được lập ngày 30 tháng 08 năm 2016, từ trang 5 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa kèm theo. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2400 - Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính quá khứ. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi đưa ra kết luận rằng liệu có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp, xét trên phương diện tổng thể không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng hay không. Chuẩn mực này cũng yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực này là dịch vụ đảm bảo có giới hạn. Kiểm toán viên thực hiện các thủ tục, chủ yếu gồm phỏng vấn Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự khác trong đơn vị, nếu thích hợp, thủ tục phân tích và đánh giá bằng chứng thu thập được.

Các thủ tục được thực hiện trong dịch vụ soát xét ít hơn đáng kể so với cuộc kiểm toán được tiến hành theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Nam Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài
chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		485.607.557.324	410.838.823.444
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		46.165.690.647	35.783.584.071
1. Tiền	111	V.1	46.165.690.647	35.783.584.071
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.000.000	100.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	100.000.000	100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		131.577.489.747	150.473.623.031
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	99.860.263.778	105.599.960.923
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9.020.807.815	8.191.635.132
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	24.327.412.610	38.373.663.302
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.630.994.456)	(1.691.636.326)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	282.543.806.918	215.150.574.925
1. Hàng tồn kho	141		282.543.806.918	215.150.574.925
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.220.570.012	9.331.041.417
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	18.254.624.123	9.111.131.322
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.965.945.889	219.910.095
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		152.703.400.853	158.883.268.772
I. Tài sản cố định	220		13.695.372.931	13.377.678.466
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	13.695.372.931	13.377.678.466
- Nguyên giá	222		31.065.617.031	31.036.151.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.370.244.100)	(17.658.472.905)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		30.590.000	30.590.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.590.000)	(30.590.000)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		120.003.498.000	114.703.498.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	119.978.856.000	113.978.856.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	24.642.000	724.642.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		19.004.529.922	30.802.092.306
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	19.004.529.922	30.802.092.306
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		638.310.958.177	569.722.092.216

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		469.267.262.526	405.529.285.544
I. Nợ ngắn hạn	310		457.494.514.929	402.613.425.544
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	150.018.647.897	89.625.338.567
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	43.000.565.993	20.813.340.369
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	504.726.792	8.030.570.950
4. Phải trả người lao động	314		1.849.195.654	4.090.095.838
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	301.901.244	56.192.308
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	18.823.304.336	54.552.581.384
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	242.552.462.976	225.362.533.511
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	77.788.900
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		443.710.037	4.983.717
II. Nợ dài hạn	330		11.772.747.597	2.915.860.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	11.772.747.597	2.915.860.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		169.043.695.651	164.192.806.672
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	169.043.695.651	164.192.806.672
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		109.999.770.000	109.999.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		109.999.770.000	109.999.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.600.598.130	36.600.598.130
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.760.186.044	2.063.367.327
4. Cổ phiếu quỹ	415		(1.046.567.500)	(1.046.567.500)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.927.254.635	2.533.617.201
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.802.454.342	14.042.021.514
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.889.977.000	105.647.172
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.912.477.342	13.936.374.342
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		638.310.958.177	569.722.092.216

Trần Thị Phương Hiền
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 08 năm 2016

Ngô Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trần Huy Tường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	368.251.647.420	422.406.007.449
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		368.251.647.420	422.406.007.449
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	344.814.752.664	402.441.370.368
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.436.894.756	19.964.637.081
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.551.485.867	631.621.215
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.532.794.352	6.541.571.399
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.175.911.244	5.934.578.401
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		13.643.435.463	8.009.559.350
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.812.150.808	6.045.127.547
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.777.196.781	6.271.599.987
12. Chi phí khác	32	VI.6	2.136.499.934	5.755.258.499
13. Lợi nhuận khác	40		(359.303.153)	516.341.488
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.452.847.655	6.561.469.035
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	540.370.313	1.330.094.936
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.912.477.342	5.231.374.099
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-

Trần Thị Phương Hiền
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 08 năm 2016

Ngô Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trần Huy Tường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	6.452.847.655	6.561.469.035
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.620.317.465	1.308.616.775
Các khoản dự phòng	03	(60.641.870)	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.805.449.413)	(758.843.436)
Chi phí lãi vay	06	8.175.911.244	5.934.578.401
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	10.382.985.081	13.045.820.775
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	16.883.627.908	(90.293.492.506)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(67.393.231.993)	46.783.017.708
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	38.434.999.262	108.551.398.809
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	2.947.702.090	(455.333.574)
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.175.911.244)	(6.913.445.393)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.711.336.475)	(1.323.139.521)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(622.862.043)	(936.715.447)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	20	(9.254.027.414)	68.458.110.851
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	(3.277.680.891)	(65.454.545)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	415.000.000	407.474.748
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(1.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(6.000.000.000)	(116.736.160.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	700.000.000	30.736.160.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.763.597.319	3.316.438.960
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.399.083.572)	(82.341.540.837)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	374.461.882.366	448.097.777.756
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(348.415.065.304)	(399.101.413.575)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.599.500)	(512.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	26.035.217.562	48.995.852.131
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	10.382.106.576	35.112.422.145
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35.783.584.071	9.036.144.254
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	46.165.690.647	44.148.566.399

Trần Thị Phương Hiền
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 08 năm 2016

Ngô Thị Minh Nguyệt
Kê toán trưởng

Trần Huy Tường
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2002.

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng Holdings hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2001.

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần mã số doanh nghiệp là 0101311315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010 và các lần sửa đổi.

Ngày 05 tháng 11 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu PHC.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101311315 thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 05 năm 2016, vốn pháp định của Công ty là 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng chẵn) và vốn điều lệ của Công ty là 109.999.770.000 đồng (Một trăm linh chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn). Tổng số cổ phần tương ứng là 10.999.977 cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong kỳ là: 158 người (tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 148 người).

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings có tất cả 03 chi nhánh, 04 công ty con. Cụ thể bao gồm:

Các chi nhánh:

- Chi nhánh Miền Nam tại số 680, Trương Công Định, phường Nguyễn Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại Tầng 4, Tòa nhà Me Kong Tower, số 235-237, 239-241 đường Cộng Hòa, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Thăng Long tại Tháp B, phòng 1912, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Các Công ty con

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phục Hưng số 3;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7;
- Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng số 8; và
- Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU B 09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh rượu, bia, nước giải khát, thực phẩm;
- Sản xuất và kinh doanh trang thiết bị nội thất và thủ công mỹ nghệ;
- Vận chuyển, xử lý, chế biến nước thải và rác thải;
- Thiết kế công trình (thiết kế tổng mặt bằng, kết cấu: đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, văn hóa thể thao, phần bao che công trình điện năng, thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, dầu khí (kho trạm); công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Khoan khảo sát địa chất và xử lý nền móng công trình;
- Dịch vụ lao động (không bao gồm xuất khẩu lao động);
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Buôn bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành hệ thống điều hòa không khí, điện lạnh;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải; kinh doanh phát triển nhà;
- Xây dựng trong lĩnh vực bưu chính viễn thông;
- Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110KV;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo ngoại ngữ;
- Tư vấn, giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Trang trí nội, ngoại thất; và
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình si lô, ống khói bằng công nghệ ván khuôn trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực).
(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh ngành nghề xây dựng khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)

Trong 6 tháng đầu năm 2016, hoạt động chính của Công ty là thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, phát triển dự án.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính tổng hợp được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Các khoản nợ phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian hữu dụng là 03 năm.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính khác bao gồm một số khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Do đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm. Chi phí thuê văn phòng được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng cho thuê văn phòng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	5.938.236.752	1.349.093.810
Tiền gửi ngân hàng	40.227.453.895	34.434.490.261
Cộng	<u>46.165.690.647</u>	<u>35.783.584.071</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch trị giá 100 triệu đồng, lãi suất áp dụng là 5.5%/năm. Số dư khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 100.000.000 đồng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây lắp điện I (PCC1)	22.571.405.329	18.611.703.596
Công ty Cổ phần Tasco	16.392.431.176	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	13.844.263.372	20.295.640.651
Công ty CP Thương mại du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	8.545.593.594	17.347.714.275
Công ty Cổ phần Thực phẩm sữa TH	10.442.575.569	10.442.575.569
Các đối tượng khác	28.063.994.738	38.902.326.832
Cộng	<u>99.860.263.778</u>	<u>105.599.960.923</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Kim Thành	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Vicico	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Cao Phúc	839.241.165	-
Công ty TNHH First Choice System	1.340.000.000	1.969.363.906
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng HNB	-	1.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	-	825.242.087
Các đối tượng khác	2.841.566.650	3.997.029.139
Cộng	<u>9.020.807.815</u>	<u>8.191.635.132</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Cơ giới và Xây dựng Thăng Long (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Xây dựng số 6 Thăng Long (*)	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7	-	300.000.000
Phải thu các cá nhân khác	3.660.720.420	3.920.319.834
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.400.000	35.400.000
Tạm ứng	16.131.292.190	29.617.943.468
Cộng	<u>24.327.412.610</u>	<u>38.373.663.302</u>

(*) Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings góp vốn bằng tiền vào Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long và Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 Thăng Long lần lượt theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HĐHTĐT và số 103/HĐHTĐT về việc đầu tư xây dựng khu nhà ở thấp tầng, chung cư cao tầng và dịch vụ tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGSTầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu,
Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****MẪU B 09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ(TIẾP THEO)****6. Nợ xấu**

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Xây lắp Hóa chất H36	709.738.385	580.816.870	128.921.515	829.738.385	580.816.870	248.921.515
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ du lịch Sông Hương	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000	-	300.000.000
Công ty Xây dựng 201	281.467.001	281.467.001	-	281.467.001	-	281.467.001
Công ty Đầu tư và Phát triển điện Sông Ba	160.534.348	160.534.348	-	160.534.348	-	160.534.348
Xí nghiệp Xây dựng và lắp máy điện nước	172.800.000	172.800.000	-	172.800.000	172.800.000	-
Các đối tượng khác	135.376.237	135.376.237	-	954.906.892	938.019.456	16.887.436
Cộng	1.759.915.971	1.630.994.456	128.921.515	2.699.446.626	1.691.636.326	1.007.810.300

7. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.585.903.704	-	573.953.269	-
Công cụ, dụng cụ	797.857.420	-	812.184.690	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	271.393.220.684	-	208.543.297.947	-
Hàng hoá	5.766.825.110	-	5.221.139.019	-
Cộng	282.543.806.918	-	215.150.574.925	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. Chi phí trả trước

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	17.187.582.932	9.111.131.322
Chi phí thuê mặt bằng sàn VP tầng 1- Tháp A (*)	1.067.041.191	-
Cộng	18.254.624.123	9.111.131.322
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.393.582.416	11.994.196.272
Chi phí thuê văn phòng HH2 (**)	2.662.201.293	2.695.578.088
Chi phí thuê sàn thương mại tầng 5 - CT2 (***)	1.862.079.546	1.886.420.455
Chi phí thuê nhà bếp ăn tập thể	86.666.667	-
Chi phí mua quyền được mua sản phẩm của dự án từ liên doanh	-	14.225.897.491
Cộng	19.004.529.922	30.802.092.306

(*) Theo Hợp đồng nguyên tắc thuê mặt bằng sàn văn phòng số 141/2015/HDNT ngày 01 tháng 12 năm 2015 với Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng, Công ty thuê tầng 1 tháp A tòa CT2 The light, đường Tố Hữu, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội với diện tích: 890 m², đơn giá cho thuê: 220.000 đồng/m²/tháng; thời gian thuê là 30 năm. Đơn giá cố định 05 năm đầu, đơn giá mỗi 05 năm tiếp tăng hoặc giảm không quá 10 % mỗi 5 năm trước; bàn giao trước ngày 15 tháng 03 năm 2016.

(**) Công ty thuê 523 m² văn phòng tại tầng 3 Tòa nhà HH2, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP. Hà Nội trong vòng 50 năm.

(***) Công ty thuê mặt bằng sàn tầng 5 Tòa nhà The Light theo hợp đồng thuê mặt bằng số 02/HĐKT/CT2/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu,
Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU B 09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	22.902.574.322	3.954.252.374	3.701.961.039	477.363.636	31.036.151.371
Mua trong kỳ	3.077.680.891	200.000.000	-	-	3.277.680.891
Thanh lý, nhượng bán	(2.794.080.492)	-	-	-	(2.794.080.492)
Giảm do phân loại lại	(149.134.739)	-	-	(305.000.000)	(454.134.739)
Tại ngày 30/06/2016	23.037.039.982	4.154.252.374	3.701.961.039	172.363.636	31.065.617.031
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	11.883.263.757	3.932.501.390	1.697.452.707	145.255.051	17.658.472.905
Khấu hao trong kỳ	1.383.547.542	55.084.317	168.958.333	12.727.273	1.620.317.465
Thanh lý, nhượng bán	(1.748.044.038)	-	-	-	(1.748.044.038)
Giảm do phân loại lại	(143.557.788)	-	-	(16.944.444)	(160.502.232)
Tại ngày 30/06/2016	11.375.209.473	3.987.585.707	1.866.411.040	141.037.880	17.370.244.100
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	11.019.310.565	21.750.984	2.004.508.332	332.108.585	13.377.678.466
Tại ngày 30/06/2016	11.661.830.509	166.666.667	1.835.549.999	31.325.756	13.695.372.931

Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 3.633.806.167 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.074.292.684 đồng)

Giá trị còn lại của tài sản mang đi cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 11.818.773.324 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9.458.603.460 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2016	30.590.000	30.590.000
Tại ngày 30/06/2016	30.590.000	30.590.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2016	30.590.000	30.590.000
Tại ngày 30/06/2016	30.590.000	30.590.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2016	-	-
Tại ngày 30/06/2016	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu,
Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU B 09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2016				01/01/2016			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Kiến trúc Phục Hưng		-	-	-	70.000	700.000.000	700.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.332	24.642.000	24.642.000	-	1.332	24.642.000	24.642.000	-
Cộng		24.642.000	24.642.000			724.642.000	724.642.000	-

12. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2016				01/01/2016			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục số 3 (*)	275.000	3.025.000.000	3.025.000.000	-	275.000	3.025.000.000	3.025.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục 7	800.000	8.000.000.000	8.000.000.000	-	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Phục Hưng số 8	650.000	6.500.000.000	6.500.000.000	-	650.000	6.500.000.000	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng		102.453.856.000	102.453.856.000	-		102.453.856.000	102.453.856.000	-
Cộng		119.978.856.000	119.978.856.000	-		113.978.856.000	113.978.856.000	-

(*) Tổng giá trị góp vốn vào Công ty Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3 là 3.025.000.000 đồng. Trong đó giá trị vốn góp vào vốn chủ sở hữu là 2.750.000.000 đồng và giá trị thặng dư là 275.000.000 đồng.

Theo quy định của Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 cần được trình bày, tuy nhiên do các Công ty con của Công ty chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty này tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	Hà Nội	55,00%	Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt cấu kiện thép...
2	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7	Hà Nội	40,00%	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật, hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép; Xây dựng trong lĩnh vực buro chính viễn thông; thi công lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; xử lý nước thải; xử lý nền móng công trình...
3	Công ty CP Xây dựng Phục Hưng số 8	Hà Nội	65,00%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, hoàn thiện công trình xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; buôn bán vật liệu và thiết bị lắp đặt trong xây dựng...
4	Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	Hà Nội	100,00%	Xây dựng nhà các loại, công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác, hoàn thiện công trình đã xây dựng và chuyên dụng khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; kinh doanh dịch vụ bất động sản...

Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, và theo đó Công ty không nắm giữ được hơn 50% quyền biểu quyết, nhưng theo Điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, Công ty được quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Theo đó, Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7 vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty và được trình bày là công ty con của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	150.018.647.897	150.018.647.897	89.625.338.567	89.625.338.567
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Đại Việt	9.022.438.559	9.022.438.559	4.110.716.610	4.110.716.610
Công ty CP Thương mại Thái Hưng	17.114.476.126	17.114.476.126	5.726.352.464	5.726.352.464
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	39.795.233.162	39.795.233.162	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7	21.706.533.625	21.706.533.625	27.692.775.129	27.692.775.129
Công ty CP Xây dựng Phục Hưng số 8	-	-	4.226.137.610	4.226.137.610
Công ty TNHH Phát triển thương mại Lâm Anh	-	-	5.507.301.140	5.507.301.140
Công ty TNHH SUNGSHIN VINA	13.725.745.898	13.725.745.898	7.678.806.600	7.678.806.600
Công ty TNHH Xây dựng nền móng Long Xuyên	-	-	7.600.153.496	7.600.153.496
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phát triển Việt Tiếp	1.002.893.572	1.002.893.572	11.920.026.010	11.920.026.010
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	-	-	-	-
Các đối tượng khác	47.651.326.955	47.651.326.955	15.163.069.508	15.163.069.508
Cộng	150.018.647.897	150.018.647.897	89.625.338.567	89.625.338.567

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

14. Người mua trả trước ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế Đầu tư Sản Xuất	16.297.306.689	16.297.306.689	-	-
Công ty TNHH xay lúa Mi Việt Nam	7.620.889.078	7.620.889.078	-	-
Công ty TNHH Hà Đạt	5.100.485.000	5.100.485.000	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	-	-	5.505.920.278	5.505.920.278
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	509.863.173	509.863.173	2.389.096.520	2.389.096.520
Công ty Cổ phần TASCO	-	-	7.778.800.000	7.778.800.000
Các đối tượng khác	13.472.022.053	13.472.022.053	5.139.523.571	5.139.523.571
Cộng	43.000.565.993	43.000.565.993	20.813.340.369	20.813.340.369

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2016	Số phải nộp	Số đã thực nộp	01/01/2016
	VND	trong kỳ VND	trong kỳ VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	263.615.062	1.707.467.314	8.042.738.708	6.598.886.456
Thuế Xuất, nhập khẩu	-	56.428.416	56.428.416	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	86.779.867	540.370.313	1.711.336.475	1.257.746.029
Thuế Thu nhập cá nhân	154.331.863	218.445.670	238.052.272	173.938.465
Các loại thuế khác (thuế môn bài)	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	504.726.792	2.527.711.713	10.053.555.871	8.030.570.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trích trước chi phí xây lắp	301.901.244	56.192.308
Cộng	301.901.244	56.192.308

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	695.758.322	697.420.480
- Bảo hiểm xã hội	376.915.392	2.556.342
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	49.646.620	61.246.120
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.700.984.002	53.791.358.442
Cộng	18.823.304.336	54.552.581.384

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn	242.552.462.976	242.552.462.976	364.790.994.769	347.601.065.304	225.362.533.511	225.362.533.511
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô {i}	237.993.162.976	237.993.162.976	363.790.994.769	347.601.065.304	221.803.233.511	221.803.233.511
Các khoản vay cá nhân {ii}	4.559.300.000	4.559.300.000	1.000.000.000	-	3.559.300.000	3.559.300.000
Cộng	242.552.462.976	242.552.462.976	364.790.994.769	347.601.065.304	225.362.533.511	225.362.533.511

{i} Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/36032/HĐTD ngày 03 tháng 07 năm 2015 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô, Ngân hàng cấp cho Công ty hạn mức thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền là 678.000.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi tám tỷ đồng chẵn) gồm cả đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi, trong đó: hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC là 242 tỷ đồng; hạn mức bảo lãnh là 436 tỷ đồng. Công ty vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất áp dụng theo lãi suất từng thời kỳ của Ngân hàng. Công ty sử dụng máy móc, phương tiện vận tải... thuộc sở hữu của công ty hoặc của bên thứ ba để đảm bảo cho khoản vay trên.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/36032/HĐTD ngày 29 tháng 06 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Ngân hàng cấp cho bên vay hạn mức thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền là 996.000.000.000 đồng (Chín trăm chín mươi sáu tỷ đồng chẵn) gồm cả đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi, trong đó: hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC là 346 tỷ đồng; hạn mức bảo lãnh là 650 tỷ đồng (trong đó giá trị bảo lãnh thanh toán tối đa tại mọi thời điểm là 33.334.000.000 đồng). Công ty vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2017. Công ty sử dụng máy móc, phương tiện vận tải... thuộc sở hữu của công ty hoặc của bên thứ ba để đảm bảo cho khoản vay trên. Lãi suất áp dụng theo lãi suất từng thời kỳ của ngân hàng.

{ii} Khoản vay các cá nhân theo các hợp đồng vay vốn có thời hạn không quá 12 tháng, với lãi suất từng hợp đồng dao động từ 8%/năm đến 8,5%/năm hoặc biến động theo sự thỏa thuận của hai bên trong từng thời kỳ. Các hợp đồng vay vốn cá nhân không quy định tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

19. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô {i}	11.772.747.597	11.772.747.597	9.670.887.597	814.000.000	2.915.860.000	2.915.860.000
Cộng	11.772.747.597	11.772.747.597	9.670.887.597	814.000.000	2.915.860.000	2.915.860.000

{i} Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 02/2015/36032/HĐTD ngày 31 tháng 07 năm 2015, số tiền vay trên hợp đồng: 3.500.000.000 đồng, số tiền thực tế vay: 3.499.860.000 đồng. Lãi suất cho vay trong hạn là 11%/năm, điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Công ty vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay trị giá 225.848 USD để đảm bảo cho khoản vay nêu trên.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2015/36032/HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2015, số tiền vay trên hợp đồng: 2.400.000.000 đồng, số tiền thực tế vay: 2.276.787.940 đồng. Công ty vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay trị giá 125.460 USD để đảm bảo cho khoản vay. Lãi suất áp dụng theo lãi suất từng thời kỳ của ngân hàng.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2016/36032/HĐTD ngày 01 tháng 04 năm 2016, số tiền vay trên hợp đồng: 11.200.000.000 đồng, số tiền thực tế vay: 6.344.483.705 đồng; lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến 01 tháng 07 năm 2016: 9,5%/năm. Công ty vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay trị giá 284.187,40 USD để đảm bảo cho khoản vay trên.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2016/36032/HĐTD ngày 14 tháng 06 năm 2016, số tiền vay trên hợp đồng: 1.749.359.920 đồng, số tiền thực tế vay: 1.049.615.952 đồng. Lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến 30 tháng 06 năm 2016 là 10%/năm. Công ty vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay trị giá 2.726.275.200 đồng để đảm bảo cho khoản vay trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	109.999.770.000	36.600.598.130	2.063.367.327	(1.046.567.500)	1.948.856.406	4.461.637.972	154.027.662.335
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	13.936.374.342	13.936.374.342
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	584.760.795	(4.355.990.800)	(3.771.230.005)
Số dư tại ngày 31/12/2015	109.999.770.000	36.600.598.130	2.063.367.327	(1.046.567.500)	2.533.617.201	14.042.021.514	164.192.806.672
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	5.912.477.342	5.912.477.342
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	696.818.717	-	1.393.637.434	(2.090.456.151)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(727.276.060)	(727.276.060)
Chi thường HDQT và Ban điều hành (*)	-	-	-	-	-	(334.312.303)	(334.312.303)
Số dư tại ngày 30/06/2016	109.999.770.000	36.600.598.130	2.760.186.044	(1.046.567.500)	3.927.254.635	16.802.454.342	169.043.695.651

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01 NQ/2016/PH-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2016. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau: Thương Hội đồng quản trị và Ban điều hành 30% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch tương đương 334.312.303 đồng; Trích lập bổ sung vốn khác của chủ sở hữu 696.818.717 đồng; Trích Quỹ đầu tư phát triển 1.393.637.434 đồng; Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi 727.276.060 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

20. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.999.977	10.999.977
- Cổ phiếu phổ thông	10.939.977	10.939.977
- Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	110.000	110.000
- Cổ phiếu phổ thông	110.000	110.000
- Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.889.977	10.889.977
- Cổ phiếu phổ thông	10.829.977	10.829.977
- Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Số cổ phần bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu là số cổ phần có nguồn gốc từ việc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (Constrexim Holdings) góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) bằng thương hiệu từ năm 2003.

21. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có ít rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 02 (hai) bộ phận hoạt động: bộ phận quản lý hợp đồng xây dựng và bộ phận khác. Tuy nhiên, trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, doanh thu và lợi nhuận khác chưa chiếm 10% doanh thu phát sinh và lợi nhuận trong kỳ. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

20. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty có một đơn vị trực thuộc tại thành phố Hồ Chí Minh, một đơn vị trực thuộc tại thành phố Vũng Tàu và một đơn vị trực thuộc tại thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị trực thuộc nằm khác địa bàn chưa chiếm 10% doanh thu phát sinh và lợi nhuận trong kỳ. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	368.251.647.420	422.406.007.449
Trong đó:		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	363.732.036.855	419.770.473.023
- Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị	4.519.610.565	850.977.270
- Doanh thu từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở	-	1.784.557.156
Cộng	368.251.647.420	422.406.007.449

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	341.904.235.935	400.253.873.009
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.910.516.729	473.205.976
Giá vốn từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở	-	1.714.291.383
Cộng	344.814.752.664	402.441.370.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	63.597.319	56.621.215
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.653.888.548	575.000.000
Lãi từ chuyển nhượng quyền nhận cổ tức tại Công ty CP Kiến trúc Phục Hưng	834.000.000	-
Cộng	5.551.485.867	631.621.215

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền vay	8.175.911.244	5.934.578.401
Chi phí tài chính khác	356.883.108	606.992.998
Cộng	8.532.794.352	6.541.571.399

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	253.963.546	-
Phí sử dụng thương hiệu của các công ty con	140.169.042	149.569.289
Thu từ cho thuê thiết bị	326.430.108	873.249.847
Thu từ chi hộ các công ty con	-	3.917.656.470
Thu hồi công nợ đã xử lý	819.530.655	-
Các khoản khác	237.103.430	1.331.124.381
Cộng	1.777.196.781	6.271.599.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi từ cho thuê thiết bị	246.399.260	737.571.232
Chi phí chi hộ các công ty con	-	3.917.656.470
Phạt chậm nộp thuế	1.308.241.380	-
Các khoản khác	581.859.294	1.100.030.797
Cộng	2.136.499.934	5.755.258.499

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.452.847.655	6.561.469.035
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.736.892.458	59.417.036
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>1.736.892.458</i>	<i>59.417.036</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	5.487.888.548	575.000.000
<i>Cổ tức được nhận</i>	<i>5.487.888.548</i>	<i>575.000.000</i>
Thu nhập chịu thuế	2.701.851.565	6.045.886.071
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập	540.370.313	1.330.094.936
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	540.370.313	1.330.094.936

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	161.018.479.382	112.781.261.552
Chi phí nhân công	10.313.004.810	19.083.079.646
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.620.317.465	1.566.079.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	241.124.516.721	7.502.020.102
Chi phí khác bằng tiền	11.913.314.281	6.616.206.595
Cộng	<u>425.989.632.659</u>	<u>147.548.647.163</u>

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.13 trừ đi Tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản vay	254.325.210.573	228.278.393.511
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	46.165.690.647	35.783.584.071
Nợ thuần	208.159.519.926	192.494.809.440
Vốn chủ sở hữu	169.043.695.651	164.192.806.672
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>123,14%</u>	<u>117,24%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.165.690.647	35.783.584.071
Phải thu khách hàng và phải thu khác	122.521.281.932	142.246.587.899
Đầu tư ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
Đầu tư dài hạn	24.642.000	724.642.000
Các khoản ký quỹ	35.400.000	35.400.000
Cộng	168.847.014.579	178.890.213.970
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	254.325.210.573	228.278.393.511
Phải trả người bán và phải trả khác	168.841.952.233	144.177.919.951
Chi phí phải trả	301.901.244	56.192.308
Cộng	423.469.064.050	372.512.505.770

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2016			
Tiền	46.165.690.647	-	46.165.690.647
Phải thu khách hàng và phải thu khác	122.521.281.932	-	122.521.281.932
Đầu tư ngắn hạn	100.000.000	-	100.000.000
Đầu tư dài hạn	-	24.642.000	24.642.000
Các khoản ký quỹ	35.400.000	-	35.400.000
Cộng	168.822.372.579	24.642.000	168.847.014.579
30/06/2016			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	242.552.462.976	11.772.747.597	254.325.210.573
Phải trả người bán và phải trả khác	168.841.952.233	-	168.841.952.233
Chi phí phải trả	301.901.244	-	301.901.244
Cộng	411.696.316.453	11.772.747.597	423.469.064.050
Chênh lệch thanh khoản thuần	(242.873.943.874)	(11.748.105.597)	(254.622.049.471)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2016			
Tiền	35.783.584.071	-	35.783.584.071
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142.246.587.899	-	142.246.587.899
Đầu tư ngắn hạn	100.000.000	-	100.000.000
Đầu tư dài hạn	-	724.642.000	724.642.000
Các khoản ký quỹ	35.400.000	-	35.400.000
Cộng	178.165.571.970	724.642.000	178.890.213.970
01/01/2016			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	225.362.533.511	2.915.860.000	228.278.393.511
Phải trả người bán và phải trả khác	144.177.919.951	-	144.177.919.951
Chi phí phải trả	56.192.308	-	56.192.308
Cộng	369.596.645.770	2.915.860.000	372.512.505.770
Chênh lệch thanh khoản thuần	(191.431.073.800)	(2.191.218.000)	(193.622.291.800)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng số 8	Công ty con
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	Công ty con

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng	10.395.848.600	23.016.606.185
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	2.621.770.982	286.887.619
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7	644.851.470	2.176.466.794
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng số 8	6.927.115.239	2.306.067.301
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	202.110.909	18.247.184.471
Mua hàng	131.475.235.140	141.391.109.720
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	51.610.742.142	2.166.663.275
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7	41.131.117.910	75.772.203.709
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng số 8	36.979.164.793	63.452.242.736
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	1.754.210.295	-
Nhận cổ tức	4.653.888.548	3.834.817.745
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	-	275.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7	1.700.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	2.953.888.548	3.259.817.745

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả	67.364.308.586	32.932.798.952
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	5.417.293.169	1.013.886.213
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7	21.706.533.625	27.692.775.129
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng số 8	445.248.630	-
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	39.795.233.162	4.226.137.610

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lương và thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát	684.551.613	486.545.580
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	851.289.648	693.848.613
Cộng	<u>1.535.841.261</u>	<u>1.180.394.193</u>

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi là Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Một số số liệu của kỳ trước đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200, như sau:

Chỉ tiêu “Các khoản tương đương tiền” và “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2016 được phân loại lại theo quy định của Thông tư 200 như sau:

Nội dung phân loại	Số tiền VND
Phân loại lại khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 6 tháng	100.000.000

Việc phân loại này ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 như sau:

Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Ảnh hưởng của bút toán phân loại VND
Các khoản tương đương tiền	(100.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh (Tiếp theo)

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán của các chỉ tiêu trên trước và sau phân loại:

TÀI SẢN	Mã số	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	410.938.823.444	410.838.823.444
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	35.883.584.071	35.783.584.071
2. Các khoản tương đương tiền	112	100.000.000	-
II. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120	-	100.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	100.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	569.722.092.216	569.722.092.216

Trần Thị Phương Hiền
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 08 năm 2016

Ngô Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trần Huy Tường
Tổng Giám đốc